TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Thanh H, sinh năm: 1996; địa chỉ: Tổ 10, ấp 2, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1963; địa chỉ: Ấp 3, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (hợp đồng ủy quyền ngày 30-6-2020), có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp Phước Bình 2, xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Duy S, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp Phước Bình 2, xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Trương Thị T, sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ 6, ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

+ Anh Trần Văn L (D), sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ 19, ấp Tân Đông, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ KIỆN:

- Theo đơn khởi ngày 11 tháng 6 năm 2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Chị H cho chị P vay tiền nhiều lần. Nhưng những lần vay trước đã trả xong. Lần cuối cùng ngày 27-4-2020, chị H cho chị P vay số tiền 112.000.000

đồng. Chị P có ghi giấy nợ cho chị H. Sau đó đòi nhiều lần nhưng không trả, gọi điện thì không nghe máy. Khi vay tiền chị P có gửi cho chị H giữ 01 giấy chứng minh nhân dân đứng tên chị P và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị P, anh S để làm tin. Nay chị H yêu cầu Tòa án buộc chị P trả tiền vốn 112.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị H không yêu cầu anh S cùng trả tiền. Chị P trả tiền thì chị H sẽ trả lại giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị P, anh S.

Theo bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Ngày 07-8-2019, chị vay chị H số tiền vốn là 50.000.000 đồng. Chị có giao cho chị H giữ 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị và anh S. Hai bên thỏa thuận lãi suất 9%/tháng, sau đó giảm xuống 8%/tháng. Chị đóng lãi được 2 tháng 8.000.000 đồng thì khoảng tháng 10-2019 vay tiếp 20.000.000 đồng. Tổng cộng, chị vay 70.000.000 đồng tiền vốn. Số tiền này chị tiêu xài cá nhân 10.000.000 đồng, cho chị T vay 10.000.000 đồng, cho anh L (D) vay 50.000.000 đồng. Do anh L, chị T không có tiền trả cho chị nên chị không có tiền trả và đóng lãi cho chị H. Ngày 27-4-2020, chị H đến nhà chị tính lãi là 42.000.000 đồng. Do không có tiền đóng lãi nên chị H yêu cầu chị viết lại giấy nợ mới là 112.000.000 đồng. Chị xác định chị nợ chị H tiền vốn vay 70.000.000 đồng, tiền lãi 42.000.000 đồng. Nhưng do khi trả tiền, ghi lại giấy nợ mới không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Nên theo biên bản lấy lời khai ngày 24-9-2020, chị P đồng ý trả cho chị H tiền vốn vay 112.000.000 đồng, xin chị H bỏ lãi cho chị. Chị không yêu cầu anh S cùng chị trả nợ. Khi nào chị trả tiền thì chị H trả lại giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị và anh S. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng anh Trần Văn L (D) trình bày:

Anh và chị P hùn vốn mua mì, trồng mì. Thời gian anh không nhớ nhưng năm 2019, anh giới thiệu chị P gặp chị T để chỉ nơi vay tiền. Chị P đã vay chị H số tiền 50.000.000 đồng, có ghi giấy tờ, có thế sổ đỏ cho chị H. Sau đó về chị P cho anh vay lại số tiền 30.000.000 đồng, cho chị T vay 10.000.000 đồng. Khi vay tiền anh không ghi giấy tờ cho chị P. Thỏa thuận lãi suất là 80.000 đồng/1.000.000 đồng/ tháng. Anh đóng lãi cho chị P được 02 tháng, mỗi tháng 4.800.000 đồng để chị P đóng cho chị H. Chị P cũng đã đóng lãi cho chị H được 02 tháng. Sau đó chị P vay tiếp chị H 20.000.000 đồng. Chị P lại về tiếp tục đưa cho anh vay lại 20.000.000 đồng. Như vậy, chị P đã vay chị H tổng số tiền 70.000.000 đồng, chị P cho anh vay lại 50.000.000 đồng. Anh tính khoảng 4 tháng sau xuống vụ anh sẽ trả vốn, lãi cho chị P. Nhưng do tính lãi lên đến hơn 30.000.000 đồng nên anh không trả. Việc anh vay tiền của chị P anh sẽ chịu trách nhiệm với chị P. Còn việc chị P vay tiền chị H thì chị P phải chịu trách nhiệm với chị H. Chị H xuống gặp chị P tính lãi là 42.000.000 đồng. Cộng vốn và lãi là 112.000.000 đồng. Anh thấy nhiều quá nên không đồng ý trả cho chị P số tiền đó. Việc chị P viết lại giấy nợ 112.000.000 đồng cả vốn và lãi anh không chứng kiến, chỉ nghe chị P nói lại. Trong vụ kiện này anh không có tranh chấp gì cả.

Theo biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng người làm chứng chị Trương Thị T trình bày:

Chị quen biết anh D, chị P và bà N. Chị có vay tiền của chị H. Chị giới thiệu cho chị P vay chị H 50.000.000 đồng. Chị vay lại chị P 10.000.000 đồng. Chị cũng đã gửi tiền lãi cho chị P được 02 tháng với số tiền 1.600.000 đồng. Do không có tiền nên chị không đóng tiếp được. Sau này nghe nói chị P vay thêm 20.000.000 đồng. Lần này chị không chứng kiến. Do không có tiền trả vốn, lãi chị H yêu cầu chị P viết giấy nợ 112.000.000 đồng, trong đó vốn vay 70.000.000 đồng, tiền lãi 42.000.000 đồng. Việc chị P viết giấy nợ cho chị H 112.000.000 đồng chị nghe chị P nói, không trực tiếp chứng kiến. Trong vụ kiện này chị không có tranh chấp gì cả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh S đã được Tòa án Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, người làm chứng có đơn xin giải quyết vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh S vắng mặt không có lý do. Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết: Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với chị P. Buộc chị P trả cho chị H số tiền vốn vay là 112.000.000 đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi. Ghi nhận các đương sự không yêu cầu anh S cùng trả nợ. Buộc chị H trả lại cho chị P giấy chứng minh nhân dân và trả cho chị P, anh S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị P chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các kiến nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh S đã được Tòa án Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Chị P, chị T, anh L (D) có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt chị P, anh S, chị T, anh L (D) theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị H khởi kiện yêu cầu chị P trả số tiền vay còn thiếu là 112.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy nhận nợ đề ngày 27-4-2020 do chị P viết và ký tên. Chị P xác định vay tiền vốn 70.000.000 đồng, tiền lãi 42.000.000 đồng. Tổng cộng 112.000.000 đồng. Giấy nhận nợ đề ngày 27-4-2020 là do chị viết và ký tên. Chị P không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của mình. Do đó, chị P đồng ý trả cho chị H tiền vốn vay 112.000.000 đồng, xin chị H bỏ lãi cho chị. Chị T, anh L (D) làm chứng cho chị P nhưng xác định chỉ nghe chị P nói mà không trực tiếp chứng kiến việc giao dịch số tiền 112.000.000 đồng. Đồng thời chị T, anh L (D) là người làm chứng đứng về phía chị P, người quen của chị P nên không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với chị P là có căn cứ.

[3] Khi vay tiền chị P có giao chị chị H giữ 01 giấy chứng minh nhân dân đứng tên chị Nguyễn Thị P và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 644,6m^2, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 23, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02312 được Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu cấp ngày 04-02-2013 tọa lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đứng tên anh Phạm Duy S, chị Nguyễn Thị P. Chị P, anh S đã ly hôn nhưng chưa giải quyết về tài sản chung. Các đương sự thống nhất không yêu cầu anh S cùng trả tiền cho chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc chị H trả lại giấy chứng minh nhân dân cho chị P và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh S, chị P là phù hợp.

[3] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu 5.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh H đối với chị Nguyễn Thị P.

Buộc chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Phan Thị Thanh H số tiền vốn vay là 112.000.000 (một trăm mười hai triệu) đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi.

Chị H, chị P thống nhất không yêu cầu anh Phạm Duy S cùng trả tiền cho chị H.

Buộc chị Phan Thị Thanh H trả lại cho chị P, anh S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 644,6m^2, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 23, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02312 được Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu cấp ngày 04-02-2013 tọa lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây

Ninh đứng tên anh Phạm Duy S, chị Nguyễn Thị P và trả cho chị P 01 giấy chứng minh nhân dân chị Nguyễn Thị P đứng tên.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị P phải chịu 5.600.000 (năm triệu sáu trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phan Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị H tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 2.823.000 (hai triệu tám trăm hai mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004712 ngày 16-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. Huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS. Huyện Dương Minh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng